

Số: /TB-UBND

Hoàng Diệu, ngày 03 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

“Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023”

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã về việc thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023.

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 *(Có biểu số liệu kèm theo)*.

- Hình thức công khai:

+ Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu.

+ Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã

+ Công khai trên trang thông tin điện tử xã Hoàng Diệu: Hoangdiou.gialoc.haiduong.gov.vn.

- Thời gian công khai: Từ ngày 03/7/2023- 03/8/2023.

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Trưởng ban đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Du

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	10.367.455	4.146.682	40,00
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	692.705	705.271	101,81
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.997.000	249.986	5,00
3	Thu bổ sung	4.677.750	2.324.750	49,70
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.596.000	2.250.000	48,96
	- Bổ sung có mục tiêu	81.750	74.750	91,44
4	Thu chuyển nguồn		866.676	
II	TỔNG SỐ CHI	10.367.455	3.308.992	31,92
1	Chi đầu tư phát triển	5.058.705	558.705	11,04
2	Chi thường xuyên	5.308.750	2.750.287	51,81
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	10.367.455	10.367.455	4.146.682	4.146.682	40,00	40,00
I	Các khoản thu 100%	692.705	692.705	705.271	705.271	101,81	101,81
1	Phí, lệ phí	18.000	18.000	7.181	7.181	39,89	39,89
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	614.705	614.705	677.422	677.422	110,20	110,20
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			20.350	20.350		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	60.000	60.000	318	318	0,53	0,53
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.997.000	4.997.000	249.986	249.986	5,00	5,00
1	Các khoản thu phân chia	281.000	281.000	35.278	35.278	12,55	12,55
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60.000	60.000	72	72	0,12	0,12
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21.000	21.000	19.300	19.300	91,90	91,90
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000	200.000	15.905	15.905	7,95	7,95
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.716.000	4.716.000	214.708	214.708	4,55	4,55

2.1	Thu tiền sử dụng đất	4.500.000	4.500.000	80.631	80.631	1,79	1,79
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	136.000	136.000	72.574	72.574	53,36	53,36
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	80.000	80.000	61.503	61.503	76,88	76,88
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			866.676	866.676		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.677.750	4.677.750	2.324.750	2.324.750	49,70	49,70
1	Thu bổ sung cân đối	4.596.000	4.596.000	2.250.000	2.250.000	48,96	48,96
2	Thu bổ sung có mục tiêu	81.750	81.750	74.750	74.750	91,44	91,44

